



Cần cụ thể hóa quy phạm của Hiến pháp năm 2013 (đoạn 2 khoản 2 Điều 119) và một số luận điểm tại Hội nghị Trung ương 8 (khóa XII) của Đảng vào cuộc sống

Nguyễn Cảnh Hợp^{1,*}, Lê Cẩm²

¹Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh,

Số 2, Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

²Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, 144, Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Ngày nhận 07 tháng 11 năm 2018

Chỉnh sửa ngày 04 tháng 12 năm 2018; Chấp nhận đăng ngày 24 tháng 12 năm 2018

Tóm tắt: Trên cơ sở các luận điểm Đảng về kiểm soát quyền lực (KSQL) nhà nước nhằm bảo vệ Hiến pháp (BVHP) của 3 Đại hội (X, XI, XII), Hội nghị Trung ương (TW) 8 (khóa XII), cũng như của cố Tổng Bí thư Đỗ Mười về sự cần thiết phải xây dựng Tòa án Hiến pháp ở nước ta, bài viết đề cập đến sự phân tích khoa học những vấn đề KSQL nhà nước và đưa ra những kiến giải lập hiến và lập pháp cụ thể đối với cơ chế BVHP bằng nhánh quyền lực tư pháp ở Việt Nam trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền hiện nay.

Từ khóa: Hiến pháp 2013, Hội nghị TW 8, kiểm soát quyền lực, bảo vệ Hiến pháp.

I. Đặt vấn đề

1. Trong giai đoạn xây dựng một Nhà nước pháp quyền (NNPQ) *đích thực* của dân, do dân và vì dân ở Việt Nam hiện nay, việc nghiên cứu của các nhà khoa học - luật gia để làm sáng tỏ về mặt lí luận *nội hàm* của cơ chế KSQL nhà nước là gì (?), đồng thời từ đó *đưa ra những kiến giải lập pháp lập hiến và lập pháp* cụ thể và thực sự khả thi cho mô hình cơ quan BVHP chuyên trách và độc lập ở nước ta không chỉ có ý nghĩa về mặt *lập pháp* (1), mà còn có ý nghĩa

về mặt *thực tiễn* (2) và *lí luận* (3) rất quan trọng trên các bình diện dưới đây.

1.1. Trước hết, về mặt *lập pháp*, lẽ ra từ 12 năm trước đây sau bước I - ghi nhận luận điểm rất tiến bộ trong văn kiện của Đại hội Đảng lần thứ X (tháng 4/2006) là cần phải *xây dựng cơ chế phán quyết những vi phạm Hiến pháp trong các hoạt động lập pháp, hành pháp và tư pháp* [1] mà chúng ta bắt tay ngay vào thực hiện bước II tiếp theo - sửa đổi, bổ sung Hiến pháp năm 1992 để cụ thể hóa và ghi nhận vấn đề này rồi sau đó triển khai các bước tiếp theo thì sẽ rất tốt; song mãi đến 8 năm sau đó chúng ta mới thực hiện được bước II - chính thức ghi nhận 2 quy phạm hiến định là: “*Quyền lực nhà nước là*

* Tác giả liên hệ.ĐT.: 84-913881135

Email: nguyencanhhop@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4182>

thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp” (khoản 3 Điều 2) và “Cơ chế bảo vệ Hiến pháp do luật định” (đoạn 2 khoản 2 Điều 119) trong Hiến pháp năm 2013; nhưng rất tiếc là cho đến nay đã 5 năm trôi qua mà chúng ta vẫn chưa thực hiện được bước III -bắt tay vào soạn thảo văn bản pháp luật (VBPL) để cụ thể hóa 02 quy phạm hiến định là cơ chế KQLP nhà nước (1) và bảo vệ Hiến pháp (2) đã được ghi nhận về mặt hiến định. Chính vì vậy, cách đây 2 năm Đại hội Đảng lần thứ XII (tháng 1/2016) khi chỉ ra thực trạng của bộ máy Nhà nước là “chưa chế định rõ, đồng bộ, hiệu quả cơ chế phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực. Tổ chức bộ máy và cơ chế hoạt động của các thiết chế cơ bản trong bộ máy nhà nước, hệ thống tư pháp còn những điểm chưa thực sự hợp lý, hiệu lực, hiệu quả ” cũng đã đồng thời đề ra phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian tới là cần phải: “Xác định rõ cơ chế phân công, phối hợp thực thi quyền lực nhà nước, nhất là cơ chế kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực thi các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp” [2].

1.2. Tuy nhiên, về mặt thực tiễn, cho đến nay cũng đã 2 năm trôi qua (từ Đại hội XII) chúng ta vẫn chưa có đạo luật nào để cụ thể hóa và góp phần biến các luận điểm mang tính chỉ đạo rất xác đáng, hợp lòng dân (đã được đưa ra từ các Đại hội X, XI và XII) và đưa 2 quy phạm hiến định đã nêu của Hiến pháp năm 2013 vào cuộc sống; trong khi đó do thực tiễn bức xúc của công cuộc đấu tranh chống tội phạm, nhất là các tội phạm về tham nhũng) ở Việt Nam đòi hỏi trong những năm gần đây nên một lần nữa, tại Hội nghị TW 8 khóa XII (họp vào các ngày 2 - 6/10/2018 vừa qua) Đảng đã đưa ra 3 nhiệm vụ quan trọng (mà nhiệm vụ thứ nhất đã được thực hiện vào ngày 23/10/2018 tại Kỳ họp thứ sáu Quốc hội khóa XIV bầu Tổng Bí thư BCHTW Đảng làm Chủ tịch nước), còn 2 nhiệm vụ nữa còn lại mà thời gian tới Nhà nước cần phải thực hiện là: 1) *Cụ thể hóa vai trò gương mẫu của đảng viên bằng pháp luật* và; 2)

Xây dựng cơ chế KSQL nhà nước nhằm chống chạy chức, chạy quyền.

1.3. Và cuối cùng, về mặt lí luận, có thể khẳng định rằng, trước khi ban hành Hiến pháp năm 2013 thì trong khoa học pháp lí (KHPL) nước nhà cũng đã có một số các nghiên cứu mà ở các mức độ khác nhau có liên quan đến những vấn đề KSQL nhà nước (1) hoặc về cơ chế BVHP (2), nhưng rõ ràng là trong 5 năm qua (2013 - 2018) cho đến nay giới luật học Việt Nam vẫn chưa có một nghiên cứu đồng bộ nào đề cập cùng một lúc đến việc cụ thể hóa để thực hiện 2 quy phạm hiến định nêu trên của Hiến pháp năm 2013 - đưa ra sự phân tích khoa học những vấn đề về KSQL nhà nước (1) và kèm theo những đề xuất khả thi cho mô hình BVHP tại Việt Nam (2).

2. Như vậy, tất cả những điều đã được phân tích trên đây không chỉ cho phép khẳng định tính cấp bách của việc nghiên cứu để làm sáng tỏ về mặt lí luận nội hàm của cơ chế KSQL nhà nước để đề xuất những KGLP cụ thể và thiết thực cho việc BVHP; và chính là trong giai đoạn xây dựng NNQP đích thực hiện nay trách nhiệm của các nhà luật học có tâm với Tổ quốc và nhân dân Việt Nam là rất cần thiết để không bị quần chúng nhân dân chê trách mà trong phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị TW lần thứ 4 (khóa XI) ngày 26/12/2011 đã thẳng thắn phê phán và chỉ rõ rất xác đáng cho toàn thể nhân dân thấy là: “Việc tổ chức thực hiện nghị quyết không đến nơi đến chốn, nói không đi đôi với làm, nói nhiều làm ít, kỉ cương, kỉ luật không nghiêm” [3].

II. Nội dung vấn đề

§1. Nhận thức khoa học về cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước

Trong Mục §1 này sẽ là hợp lí khi đưa ra sự phân tích khoa học 6 vấn đề cơ bản của cơ chế KSQL nhà nước theo thứ tự logic sau đây: 1) Những nguyên tắc của việc tổ chức và KSQL nhà nước (nói chung); 2) Các mục tiêu của việc tổ chức và KSQL nhà nước; 3) Khái niệm và

nội hàm của cơ chế KSQL nhà nước; 4) Khái niệm và nội hàm của cơ chế KSQL nhà nước *bằng nhánh quyền tư pháp (QTP)* (vì đây chính là cơ chế KSQL chủ yếu và đặc trưng, điển hình và được thừa nhận chung hơn cả trên thế giới hiện nay); 5) Chức năng và vai trò của của cơ chế KSQL nhà nước *bằng nhánh QTP*; 6) *Bản chất pháp lý (BCPL)* và *mối quan hệ* giữa các nhánh quyền lực trong việc tổ chức và KSQL nhà nước.

1. Những nguyên tắc của việc tổ chức và kiểm soát quyền lực nhà nước

Theo quan điểm của chúng tôi, định nghĩa khoa học của khái niệm đang nghiên cứu có thể được hiểu: *Nguyên tắc tổ chức và KSQL nhà nước trong giai đoạn xây dựng NNPQ Việt Nam là tư tưởng chỉ đạo và là định hướng cơ bản mà thông qua đó thể hiện nội dung chủ yếu và các lợi ích xã hội tương ứng của hệ thống các cơ quan công quyền thuộc các nhánh quyền lực nhà nước được quy định trong Hiến pháp, đồng thời phản ánh mối quan hệ của các nhánh quyền lực này, cũng như các quy luật phát triển khách quan tác động đến toàn bộ công cuộc xây dựng NNPQ trên đất nước ta.* Như vậy, trên cơ sở khái niệm đã được đưa ra này và xuất phát từ việc nghiên cứu các quy luật khách quan đang tồn tại ở Việt Nam (về kinh tế, xã hội, chính trị, văn hóa, lịch sử - truyền thống,...) tác động đến công cuộc xây dựng NNPQ, đồng thời phân tích các quan hệ xã hội - pháp lý đang tồn tại hình thành trong giai đoạn phát triển của xã hội Việt Nam đương đại cho phép chúng ta có thể xác định 6 nguyên tắc cơ bản trong việc tổ chức và KSQL nhà nước *trong giai đoạn xây dựng NNPQ* sau đây:

1.1. Trước hết, việc tổ chức và KSQL nhà nước trong giai đoạn xây dựng NNPQ Việt Nam cần phải dựa trên *các tư tưởng pháp lý tiên bộ được thừa nhận chung của nền văn minh nhân loại* và tuân theo *các nguyên tắc cơ bản được thừa nhận chung* của NNPQ.

1.2. Việc tổ chức và KSQL nhà nước trong giai đoạn xây dựng NNPQ Việt Nam phải nhằm *bảo vệ một cách vững chắc và hữu hiệu các*

quyền và tự do của con người và của công dân với tư cách là các giá trị xã hội cao quý nhất của nền văn minh nhân loại.

1.3. Việc tổ chức và KSQL nhà nước trong giai đoạn xây dựng NNPQ Việt Nam cần phải được tiến hành bằng các cơ chế dân chủ, công khai và minh bạch để đảm bảo sự thể hiện cao nhất, đầy đủ nhất ý chí của nhân dân với tư cách là chủ thể cao nhất của quyền lực nhà nước.

1.4. Việc tổ chức và KSQL nhà nước trong giai đoạn xây dựng NNPQ Việt Nam cần phải *dựa trên sự phân tích một cách khách quan, có căn cứ và đảm bảo sức thuyết phục các quan hệ xã hội (QHXH)* đang tồn tại và sẽ phát triển trong xã hội, cũng như hiệu quả xã hội của các quy phạm và các chế định pháp lý về quyền lực được các cơ quan nhà nước cao nhất thuộc 03 nhánh quyền lực (quyền lập pháp (QLP), quyền hành pháp (QHP) và QTP) áp dụng trong hoạt động thực tiễn của mình.

1.5. Việc tổ chức và KSQL nhà nước trong giai đoạn xây dựng NNPQ Việt Nam cần phải dựa trên những luận chứng khoa học thể hiện sự kết hợp hài hòa *các luận điểm KHPL và khoa học chính trị về quyền lực của Việt Nam với các thành tựu tiên tiến của KHPL và khoa học chính trị về quyền lực trên thế giới* nhằm đáp ứng kịp thời các yêu cầu (đòi hỏi) cấp bách của quá trình tổ chức thực hiện và KSQL nhà nước trong thực tiễn, cũng như những yêu cầu thiết thực của công cuộc xây dựng NNPQ hiện nay như: về tổ chức - cán bộ, thẩm quyền, chức năng và nhiệm vụ,... trong hệ thống các cơ quan công quyền thuộc ba nhánh quyền lực nhà nước.

1.6. Và cuối cùng, việc tổ chức và KSQL nhà nước trong giai đoạn xây dựng NNPQ Việt Nam cần phải đảm bảo ở mức cao nhất trong các lĩnh vực tương ứng bằng một loạt các thiết chế như: 1) Cơ chế BVHP; 2) Sự độc lập đích thực và sự kiểm tra của nhánh QTP đối với 2 nhánh quyền lực khác (QLP và QHP); 3) Sự phối hợp và chế ước lẫn nhau một cách hài hòa và đồng bộ giữa 03 nhánh quyền lực này (QLP, QHP và QTP).

2. Các mục tiêu của việc tổ chức và kiểm soát quyền lực nhà nước

Khi phân tích khoa học vấn đề này, trước hết cần phải xây dựng cho được định nghĩa khoa học khái niệm của đối tượng nghiên cứu của nó như sau: *Mục tiêu của việc tổ chức và KSQL nhà nước trong giai đoạn xây dựng NNQP ở Việt Nam là những kết quả cuối cùng với tính chất là các chế định pháp lí và các giá trị tinh thần cao quý nhất của nền văn minh nhân loại mà nhân dân ta mong muốn phấn đấu đạt được bằng việc triển khai cho đến thắng lợi hoàn toàn công cuộc xây dựng NNQP trên đất nước mình.* Từ định nghĩa khoa học của khái niệm này cho thấy, việc tổ chức thực hiện và KSQL nhà nước trong giai đoạn xây dựng NNQP Việt Nam hiện nay, theo quan điểm của chúng tôi, phải góp phần đạt được 3 mục tiêu cơ bản là:

2.1. Bằng việc tổ chức và KSQL nhà nước phải góp phần *nâng cao ý thức pháp luật để đảm bảo tốt sự nhận thức - khoa học thống nhất* trong giới luật học nói riêng và trong toàn xã hội nói chung về sự cần thiết tất yếu của một số khái niệm, phạm trù và chế định pháp lí cơ bản có liên quan đến các lĩnh vực tương ứng mà chúng không thể nào thiếu được trong một NNQP đích thực như: 1) Sự phân công quyền lực nhà nước thành 03 nhánh để bảo đảm cơ chế “*kiểm tra và cân bằng*” lẫn nhau của chúng; 2) Sự độc lập thực sự của QTP; 3) Chế định Tòa án Hiến pháp để bảo vệ (kiểm tra) Hiến pháp; 4) Sự tôn trọng thực sự từ phía quyền lực Nhà nước và sự bảo vệ bằng hệ thống Tòa án công minh, độc lập và chỉ tuân theo pháp luật đối với các quyền và tự do của con người và của công dân,...

2.2. Bằng việc tổ chức và KSQL nhà nước phải góp phần làm cho *nhánh QTP được tổ chức một cách khoa học, khá thi và độc lập* để đảm bảo việc thực hiện tốt các nhiệm vụ sau: 1) Hoạt động tổ tụng về Hiến pháp đối với các văn bản vi hiến (VBVH) và các hành vi được thực hiện trên cơ sở các VBVH; 2) Sự kiểm tra của QTP đối với tính hợp hiến của các văn bản do các cơ quan quyền lực Nhà nước, các tổ chức xã hội, các lực lượng vũ trang nhân dân (LLVTND) và những người có chức vụ ban

hành; 3) Sự vận hành có hiệu quả và đồng bộ của cơ chế *kiểm tra và cân bằng* của các nhánh quyền lực nhà nước nhằm góp phần biến các nguyên tắc được thừa nhận chung của NNQP vào đời sống hiện thực.

2.3. Và cuối cùng, bằng việc tổ chức và khoa học pháp lí nhà nước phải góp phần làm cho: 1) Cơ sở của quyền lực Nhà nước phải *thực sự là ý chí của nhân dân* - chủ quyền của nhân dân phải cao hơn chủ quyền của Nhà nước; 2) *Hiến pháp và các luật phải là tối thượng* trong toàn bộ hoạt động thực tiễn của bộ máy công quyền; 3) *Các quyền và tự do của con người và của công dân được đảm bảo bằng các cơ chế pháp lí hữu hiệu và đồng bộ* tránh khỏi sự lạm quyền, độc đoán và tùy tiện của các quan chức trong bộ máy công quyền - tức là các quyền và tự do ấy phải được ghi nhận chính xác về mặt *lập pháp*, thi hành đầy đủ trên thực tế về mặt *hành pháp* và bảo vệ vững chắc về mặt *tư pháp*.

3. Khái niệm và nội hàm của cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước

Việc nghiên cứu tham khảo các công trình khoa học pháp lí trong lĩnh vực luật hiến pháp của các NNQP đương đại là các nước văn minh và phát triển cao trên thế giới từ trước đến nay, đồng thời từ thực tiễn tổ chức - thực hiện và KSQL nhà nước nói chung ở các NNQP [4] cho thấy, hầu như chưa có công trình nào đưa ra định nghĩa khoa học đầy đủ của khái niệm *KSQL nhà nước trong NNQP* là gì (?) để qua đó cụ thể khẳng định được nội hàm của nó chứa đựng các đặc điểm (dấu hiệu) cơ bản nào (?). Chính vì vậy, theo quan điểm của chúng tôi khái niệm đang bàn ở đây có thể được định nghĩa như sau: *Cơ chế KSQL nhà nước (nói chung) trong NNQP là tổng thể các phương thức, khả năng và quy tắc được ghi nhận trong Luật cơ bản (Hiến pháp) và cụ thể hóa trong các đạo luật khác với tư cách là những cơ sở pháp lí để cơ quan chuyên trách của bộ máy quyền lực nhà nước (BMQL) nhà nước thuộc nhánh quyền lực tương ứng (mà thường là nhánh QTP) được phân công chức năng giám sát việc thực hiện quyền lực nhà nước dựa vào*

đó triển khai hoạt động kiểm tra tính hợp hiến của các văn bản pháp luật (VBPL) nhất định do một số cơ quan công quyền và cá nhân những người lãnh đạo của các cơ quan này ban hành, đồng thời tiến hành thủ tục tố tụng về Hiến pháp đối với các vụ việc có liên quan đến các quy phạm hiến định nhằm góp phần làm cho quá trình tổ chức quyền lực nhà nước được tuân thủ theo đúng các quy định và trong giới hạn của Hiến pháp, đồng thời tạo ra cơ chế “kiểm tra và cân bằng” giữa các nhánh quyền lực nhà nước trong NNPQ. Như vậy, từ định nghĩa khoa học của khái niệm này về KSQL nhà nước trong NNPQ và trên cơ sở tham khảo thực tiễn tổ chức và KSQL nhà nước ở các NNPQ đích thực trên thế giới cho phép chỉ ra nội hàm với các đặc điểm (dấu hiệu) cơ bản mà thông qua đó có thể nhận thấy bản chất pháp lí (BCPL) rõ nhất của cơ chế này.

3.1. KSQL nhà nước trong NNPQ là tổng thể các phương thức - khả năng và quy tắc được điều chỉnh trong Luật cơ bản (Hiến pháp) và các đạo luật khác với tư cách là những cơ sở pháp lí để cơ quan chuyên trách của bộ máy quyền lực (BMQL) nhà nước thuộc nhánh quyền lực tương ứng nhất định (tùy thuộc vào từng quốc gia cụ thể là QLP, QHP hay QTP, nhưng thường là QTP) được phân công chức năng giám sát việc thực hiện quyền lực nhà nước dựa vào đó thực hiện các hoạt động của mình.

3.2. KSQL nhà nước trong NNPQ bao gồm phương thức kiểm tra tính hợp hiến, hợp pháp của các VBPL nhất định do một số cơ quan công quyền và cá nhân những người lãnh đạo của các cơ quan này ban hành; cũng như khả năng tiến hành thủ tục tố tụng về Hiến pháp đối với các vụ việc có liên quan đến các quy phạm hiến định.

3.3. KSQL nhà nước trong NNPQ là nhằm góp phần làm cho quá trình thực hiện quyền lực nhà nước được tuân thủ theo đúng các quy định của Hiến pháp và pháp luật; đồng thời cũng nhằm góp phần tạo ra cơ chế “kiểm tra và cân bằng” giữa các nhánh quyền lực nhà nước trong NNPQ vì lợi ích chung của nhân dân và một xã hội công bằng.

3.4. KSQL nhà nước trong NNPQ cũng nhằm góp phần bảo vệ một cách hữu hiệu những cơ sở của chế độ hiến định, các quyền và tự do hiến định của con người và của công dân với tư cách là các giá trị xã hội cao quý nhất được thừa nhận chung của nền văn minh nhân loại.

3.5. Và cuối cùng nội hàm của cơ chế KSQL nhà nước được nghiên cứu ở đây là được hiểu theo đúng nghĩa hẹp của vấn đề. Nói một cách khác, “nghĩa hẹp” ở đây là ngụ ý chỉ đề cập đến cơ chế KSQL nhà nước (nói chung) từ bên trong- tức là ngay trong nội bộ của BMQL nhà nước và bằng chính hoạt động kiểm tra, giám sát lẫn nhau của các cơ quan công quyền thuộc các nhánh quyền lực nhà nước trong NNPQ mà không bàn về cơ chế KSQL nhà nước từ bên ngoài (như: các cơ chế KSQL nhà nước của đảng cầm quyền, của các tổ chức, đoàn thể xã hội, của nhân dân).

4. Khái niệm và nội hàm của cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước bằng nhánh quyền tư pháp trong nhà nước pháp quyền

Trước hết, về khái niệm: Cơ chế KSQL nhà nước bằng nhánh QTP là tổng thể các phương thức, khả năng và quy tắc được ghi nhận trong Hiến pháp và luật như là những cơ sở pháp lí để cơ quan chuyên trách của bộ máy quyền lực nhà nước thuộc nhánh quyền lực QTP được trao thẩm quyền BVHP dựa vào đó triển khai hoạt động kiểm tra hiến pháp nhằm hạn chế các nguy cơ vi phạm Hiến pháp (VPHP), ngăn ngừa những hành vi lạm quyền và chuyên quyền, nhuợc quyền và độc đoán, quan liêu và tùy tiện của cơ quan quyền lực nhà nước và của công chức nhà nước, cũng như bảo đảm cho quá trình tổ chức, thực hiện và KSQL nhà nước được tuân thủ theo đúng các quy định của Hiến pháp vì lợi ích chung của nhân dân, đồng thời bảo vệ một cách hữu hiệu những cơ sở của chế độ hiến định, các quyền và tự do của con người và của công dân với tư cách là các giá trị xã hội cao quý nhất được thừa nhận chung của nền văn minh nhân loại. Như vậy, từ định nghĩa khoa học của khái niệm này cho phép chỉ ra nội hàm của cơ chế KSQL nhà nước bằng nhánh

QTP trong NNPQ gồm 06 đặc điểm (dấu hiệu) cơ bản của như sau:

4.1. Trước hết, cơ chế đó (tức KSQL nhà nước bằng nhánh QTP) là tổng thể *các phương thức - khả năng và quy tắc* được điều chỉnh trong *Hiến pháp và các đạo luật* khác với tư cách là *những cơ sở pháp lý* để cơ quan chuyên trách của bộ máy quyền lực nhà nước thuộc nhánh QTP được phân công chức năng giám sát việc tổ chức - thực hiện quyền lực nhà nước dựa vào đó thực hiện hoạt động kiểm tra Hiến pháp của mình.

4.2. Cơ chế đó bao gồm phương thức kiểm tra tính hợp hiến của các VBPL nhất định do một số cơ quan công quyền trong BMQL nhà nước và những người có chức vụ của các cơ quan này ban hành.

4.3. Cơ chế đó bao gồm khả năng tiến hành *thủ tục tố tụng* về Hiến pháp đối với các vụ việc có liên quan đến các quy phạm hiến định.

4.4. Cơ chế đó nhằm góp phần làm cho quá trình tổ chức quyền lực nhà nước được tuân thủ theo đúng các quy định của Hiến pháp và pháp luật.

4.5. Cơ chế đó nhằm góp phần tạo ra cơ chế kiểm tra và cân bằng của các nhánh quyền lực nhà nước trong NNPQ vì lợi ích chung của nhân dân.

4.6. Cơ chế đó nhằm góp phần bảo vệ một cách hữu hiệu những cơ sở của chế độ hiến định, các quyền, tự do của con người và của công dân với tư cách là các giá trị xã hội cao quý nhất được thừa nhận chung của nền văn minh nhân loại.

5. *Chức năng và vai trò của cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước bằng nhánh quyền tư pháp với tư cách là cơ chế bảo vệ hiến pháp quan trọng và hữu hiệu nhất trong nhà nước pháp quyền*

5.1. Trước hết, chức năng của cơ chế BVHP bằng nhánh QTP có thể được hiểu là *nhiệm vụ và quyền hạn do Hiến pháp và luật quy định mà cơ quan chuyên trách trong bộ máy quản lý (BMQL) nhà nước thuộc nhánh quyền lực tư pháp thực hiện*. Chẳng hạn như, *cơ chế KSQL*

nhà nước bằng nhánh QTP trong NNPQ về cơ bản thực hiện ba chức năng chủ yếu là: 1) Kiểm tra tính hợp hiến của các VBPL nhất định; 2) Giải thích các quy định của Hiến pháp; 3) Tiến hành thủ tục tố tụng về Hiến pháp đối với các vụ việc có liên quan theo các quy định của Hiến pháp, đồng thời đưa ra phán quyết nhất định và cuối cùng có hiệu lực pháp lý cao nhất.

5.2. Cũng về vai trò của cơ chế KSQL nhà nước bằng nhánh QTP trong NNPQ thì có thể nhận thấy trên một số bình diện cơ bản và quan trọng như: 1) Góp phần làm cho quá trình tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước được tuân thủ theo đúng các quy định trong giới hạn của Hiến pháp, cũng như tạo nên sự phân công - phối hợp một cách đồng bộ các thẩm quyền, chức năng tương ứng với mỗi nhánh quyền lực nhà nước; 2) Bảo vệ một cách hữu hiệu *tính pháp chế cao nhất của Hiến pháp* nhằm tạo nên khuôn khổ hiến định cho hoạt động của các nhánh quyền lực trong NNPQ vì lợi ích chung của nhân dân, đồng thời bảo vệ một cách vững chắc *những cơ sở của chế độ hiến định, các quyền và tự do của con người và của công dân* với tư cách là các giá trị xã hội cao quý nhất được thừa nhận chung của nền văn minh nhân loại. Bởi lẽ, về mặt này cần lưu ý quan điểm của PGS.TS Nguyễn Ngọc Chí là: "*Trong ba nhánh quyền lực thì lập pháp và hành pháp là những nhánh quyền lực mạnh và do đó có nguy cơ dễ bị lạm quyền vì thế khi thực thi quyền tư pháp Tòa án có vai trò quan trọng trong việc giám sát quyền lập pháp và hành pháp*"[5].

6. *Bản chất pháp lý của cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước và mối quan hệ giữa các nhánh quyền lực nhà nước trong việc tổ chức và kiểm soát quyền lực nhà nước*

6.1. Như vậy, từ sự phân tích khoa học về khái niệm và nội hàm của cơ chế KSQL nhà nước (nói chung) trong NNPQ, đồng thời căn cứ vào phương hướng, nhiệm vụ đã được nêu trên đây là về sự cần thiết của việc *xác định từ cơ chế KSQL giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực thi các QLP, QHP và QTP* ở nước ta, dưới đây chúng ta cần chỉ ra bản chất pháp lý của cơ chế này như sau:

1) Vấn đề KSQL nhà nước từ lâu chính là ước vọng hàng trăm năm qua của nhân loại tiến bộ mà các bậc thầy - tổ sư của nguyên tắc phân công quyền lực (J.Locke và Montesquieu) đã đề xướng ra với mong muốn xây dựng nên một nhà nước mà trong đó các quyền và tự do của con người được bảo đảm thực sự để cho xã hội không phải chịu đựng những bất công, phi lí, cũng như sự lộng quyền và bạo hành do những người nắm quyền lực gây ra nhờ vào cơ chế KSQL ngay chính trong BMQL nhà nước.

2) Tuy nhiên, luận điểm tiến bộ - đầy tính nhân văn và được thừa nhận chung trong KHPL hàng trăm năm qua là: việc *KSQL nhà nước (nói chung)* chỉ có thể đạt được trên cơ sở *nguyên tắc phân công quyền lực* một cách rõ ràng, rành mạch và cụ thể (chứ không thể chung chung) tương ứng với từng nhánh (QLP, QHP và QTP) với tư cách là nguyên tắc cơ bản được thừa nhận chung *quan trọng nhất* của NN PQ.

3) Trên cơ sở sự thống nhất về quyền lực, chính nguyên tắc *phân công lao động* (chứ không phải *phân chia!*) *quyền lực* trong NN PQ sẽ tạo nên sự cân bằng quyền lực giữa các cơ quan công quyền thuộc các nhánh quyền lực nhà nước tương ứng bằng cơ chế “kiểm tra và cân bằng (chế ước)” (mà một số người gọi chưa chính xác là cơ chế *kìm hãm* và “*đối trọng*”) đúng với *nghĩa tích cực* của nó - tức là sự kiểm tra và giám sát lẫn nhau giữa các nhánh quyền lực đó.

4) Thiết nghĩ, ở đây cần phải hiểu đúng nghĩa tích cực của 02 phạm trù “*kiểm tra* và *cân bằng*” với tư cách là 02 yếu tố cấu thành rất chặt chẽ và khăng khít, biện chứng và thống nhất, tác động qua lại một cách hữu cơ và không thể tách rời nhau. Bởi lẽ, bản chất đích thực của 2 phạm trù này cần được hiểu một cách chính xác, đầy đủ và sâu sắc là:

a) Phạm trù “*kiểm tra*” - đó là bảo đảm cho việc tổ chức và thực hiện mỗi nhánh quyền lực được thực thi có hiệu quả trong thực tiễn đời sống nhưng sự kiểm tra này không bao giờ là tuyệt đối mà luôn bị kiểm tra lại (kìm chế) bởi các nhánh quyền lực kia để cho cơ quan công quyền của mỗi nhánh và các quan chức của mỗi cơ quan tương ứng thuộc từng nhánh phải tuyệt

đối tuân thủ, chấp hành nghiêm chỉnh Hiến pháp và pháp luật trong hoạt động của mình; nói một cách khác, đó chẳng qua chỉ là tạo ra *ranh giới* trong quá trình thực hiện quyền lực công;

b) Phạm trù “*cân bằng*” - đó là sự phân công một cách rõ ràng, rành mạch quyền lực (các thẩm quyền, chức năng và trách nhiệm) tương xứng với các cơ quan công quyền thuộc các nhánh quyền lực nhà nước để sao cho tránh được sự lạm quyền, tức là bảo đảm được sự cân bằng quyền lực giữa các cơ quan này và không một nhánh quyền lực nào có đủ cơ hội, khả năng để lấn át nhánh quyền lực kia;

c) Như vậy, 02 phạm trù “*kiểm tra*” và “*cân bằng*” đồng thời cũng chính là 02 yếu tố quan trọng nhất của cơ chế KSQL nhà nước, nó hoàn toàn không mâu thuẫn với nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất, cũng như nguyên tắc tập trung dân chủ trong giai đoạn xây dựng NN PQ ở Việt Nam hiện nay vì nó không tạo ra bất kì một cơ chế “*kiềm chế* và *đối trọng*” nào như cách hiểu không đúng, hời hợt, nông cạn của một số nhà khoa học, luật gia dẫn đến các bình luận sai lầm, phi khoa học (hoặc tuy hiểu đúng nhưng cố tình giải thích sai để hù dọa) làm cho nhiều người “*yếu bóng vía*” không có được nhận thức khoa học đầy đủ và sâu sắc cảm thấy “*sợ*” cơ chế này.

5) Như vậy, chỉ có bằng cơ chế KSQL nhà nước một cách thực sự theo đúng nghĩa khoa học đích thực của nó, thì toàn bộ hoạt động của bộ máy công quyền và các quan chức của bộ máy đó mới có thể tự giác vận hành theo đúng quỹ đạo của Hiến pháp, mới có thể tránh được sự tha hóa quyền lực với những nguy cơ không thể chấp nhận được trong một NN PQ đích thực nào và tất cả những người có lương tâm vì Tổ quốc và nhân dân, vì sự nghiệp xây dựng một NN PQ Việt Nam đích thực của dân, do dân, vì dân đều phải kiên quyết chống lại như: a) Lạm quyền, vượt quyền hoặc nhược quyền; b) Trong một số lĩnh vực sinh hoạt của đời sống xã hội vẫn còn tồn tại tình trạng là có cơ quan, tổ chức, đơn vị hay cá nhân người có chức vụ cao nào đó đứng trên (ngoài) pháp luật hoặc nằm ngoài sự kiểm soát của cơ quan nhà nước có thẩm

quyền; c) Sự quan liêu, hách dịch, cửa quyền, thờ ơ, vô trách nhiệm, bàng quan trước những khổ đau, cực nhọc của những người dân lương thiện và nghèo khổ; d) Lười biếng, không chịu khó học tập, nghiên cứu để tự nâng cao trình độ và tuy năng lực chuyên môn, công tác kém nhưng sinh bằng cấp, danh hiệu hão nên “chạy” bằng cấp, chứng chỉ để có được (mà không phải do thực chất) và bợ đỡ, xu nịnh, luồn lọt, mua chuộc cấp trên để thăng tiến; đ) Thoái hóa, biến chất, suy đồi về đạo đức và do đó, hệ lụy tất yếu dẫn đến là mất lòng tin trong nhân dân, uy tín trong quần chúng rất thấp; e) Tham nhũng, sử dụng công quỹ, tài sản, ngân sách của nhà nước (do người dân đóng thuế và lao động vất vả làm ra mới có được) vào các mục đích vụ lợi nhằm thu vén làm giàu riêng cho cá nhân, gia đình, họ hàng và những người cùng cánh hâu, phe nhóm với mình mà thực tiễn phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm nói chung và tham nhũng nói riêng do đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng lãnh đạo trong các năm qua là những minh chứng xác đáng như: các vụ án hình sự xảy ra tại Vinashin và Vinalines, Tổng Công ty Dầu khí, các Ngân hàng Xây dựng, Ngân hàng Đại dương,... đó gây thiệt hại cho công quỹ Nhà nước (mà thực tế là từ tiền thuế của nhân dân lao động) đến hàng trăm tỷ VND trong khi đất nước còn thiếu rất nhiều tiền để xây trường học cho trẻ em và bệnh viện cho các tầng lớp nhân dân.

6) Chính bản thân sự tha hóa quyền lực với những nguy cơ không thể chấp nhận đã được phân tích trên đây *chủ yếu là do không có cơ chế KSQL nhà nước theo đúng nghĩa của nó* (mà đặc biệt là thiếu sự “*kiểm tra và cân bằng*” giữa các cơ quan của bộ máy công quyền thuộc các nhánh quyền lực) trong quá trình thực hiện quyền lực nhà nước. Chính vì vậy, khi nâng cơ chế này lên thành “*nguyên tắc cơ bản của tổ chức và hoạt động của nhà nước...*”, PGS.TS Chu Hồng Thanh đã hoàn toàn có lý khi ông viết rằng: “*Nhờ có nguyên tắc này mà không có bất cứ cơ quan nhà nước nào nắm giữ trọn vẹn quyền lực trong tay, không có cơ quan nhà nước nào có thể chi phối hoặc lấn át hoàn toàn*

hoạt động của cơ quan khác, đồng thời không có bất cứ cơ quan, tổ chức nào đứng ngoài hoặc đứng trên pháp luật, nằm ngoài sự kiểm tra, giám sát, kiểm sát từ phía cơ quan khác” [6].

6.2. Mỗi quan hệ đang nghiên cứu có thể được khẳng định rằng, đó chính là sự hài hòa và cân bằng quyền lực giữa các nhánh quyền lực nhà nước (mà về cơ bản là QTP và QLP) được tạo nên bởi cơ chế “*kiểm tra và cân bằng*” (chế ước) giữa các nhánh quyền lực ấy trên cơ sở các quy định của Hiến pháp và pháp luật. Vì phân tích các quy định của Hiến pháp và pháp luật có liên quan đến quá trình tổ chức thực hiện và KSQL nhà nước ở các NN PQ là các quốc gia văn minh và phát triển cao trên thế giới cho thấy, khi thực hiện tốt các chức năng và thẩm quyền do luật định của mỗi nhánh quyền lực, thì toàn bộ cơ chế KSQL nhà nước tạo nên được mối quan hệ hữu cơ, khăng khít và chặt chẽ với mỗi quan hệ này được khẳng định rõ trên ba khía cạnh chủ yếu: sự hài hòa (1), sự tương hỗ qua lại (2) và tính biện chứng (3) dưới đây:

1) *Sự hài hòa* trong mỗi quan hệ hữu cơ của cơ chế KSQL *tư pháp* và cơ chế KSQL *lập pháp* là ở chỗ: theo các quy định của Hiến pháp với tư cách là đạo luật cơ bản có hiệu lực pháp lý cao nhất, thì bằng hoạt động của mình 2 cơ chế KSQL nhà nước (QTP và QLP) cùng góp phần tạo nên *sự hài hòa và cân bằng* ở mức độ chấp nhận (nhất định) được giữa 2 nhánh quyền lực ấy, mà không lấn át lẫn nhau. Thật vậy, các Hiến pháp trong các NN PQ *đích thực* không bao giờ cho phép nhánh quyền lực nào (ngoài cơ quan chuyên trách bảo vệ Hiến pháp) cụ thể: a) có được thẩm quyền đặc biệt là “*quyền giám sát tối cao*” đối với hoạt động của bất kỳ chủ thể nào trong BMQL nhà nước, b) tự cho phép mình là “*tối cao*” trước các nhánh quyền lực khác hoặc c) được phép tự quy định cho mình thêm thẩm quyền nào đó mà chưa được cơ quan lập pháp thông qua và được ghi nhận trong Hiến pháp.

2) *Sự tương hỗ qua lại* trong mỗi quan hệ hữu cơ của cơ chế KSQL *tư pháp* và cơ chế

KSQL *lập pháp* là ở chỗ: chính sự hài hòa và cân bằng giữa 2 nhánh quyền lực (QTP và QLP) đã cho thấy rằng:

a) Nếu như bằng cơ chế KSQL *lập pháp*, cơ quan tổ tụng tư pháp cao nhất thuộc nhánh QTP của một quốc gia - Tòa án Hiến pháp (TAHP) hoặc TATC (nếu chức năng BVHP thuộc TATC mà không có TAHP độc lập) có toàn quyền kiểm tra tính hợp hiến của một VBPL nào đó (Bộ luật hay Luật) do Quốc hội/Nghị viện (thuộc nhánh QLP) ban hành và nếu VBPL ấy bị Tòa tuyên bố là vi hiến, tức là bị hủy bỏ và không được áp dụng nữa.

b) Bằng cơ chế KSQL *tư pháp*, Quốc hội/Nghị viện (thuộc nhánh QLP) của BMQL nhà nước có thẩm quyền giám sát hoạt động của nhánh QTP với nhiều hình thức khác nhau (từ việc tham gia vào công tác nhân sự của bộ máy lãnh đạo ở cấp TW đến việc hình thành cơ cấu tổ chức, hoạt động bằng việc thông qua đạo luật tương ứng về hệ thống Tòa án và đồng thời nghe các báo cáo của cơ quan tổ tụng tư pháp cao nhất đất nước -TAHP hoặc/và TATC). Ví dụ: ở Hoa Kỳ cơ chế KSQL tư pháp được giao cho nhánh QLP (Quốc hội gồm 2 viện) và Quốc hội có quyền khởi tố (bởi Hạ viện) và xét xử (bởi Thượng viện) khi một thẩm phán nào đó của TATC lạm dụng công quyền (và nếu thẩm phán này bị kết án thì sẽ bị cách chức và không được quyền giữ bất kỳ chức vụ nào khác trong bộ máy công quyền), nhưng nhánh QTP thông qua TATC lại có thể phán xét và tuyên bố vô hiệu đối với bất kỳ đạo luật nào do Quốc hội ban hành mà TATC coi là vi hiến [7].

3) Và cuối cùng, *tính biện chứng* trong mối quan hệ hữu cơ của cơ chế KSQL *tư pháp* và cơ chế KSQL *lập pháp* là ở chỗ: thực tiễn tổ chức-thực hiện và KSQL nhà nước ở một số quốc gia là các NN PQ trong nhiều thế kỉ qua đã minh chứng một cách xác đáng và khách quan rằng, chính nhờ vào sự hài hòa và cân bằng quyền lực, cũng như sự tương hỗ và qua lại lẫn nhau giữa 2 nhánh quyền lực này (QTP và QLP) nên hoạt động của các NN PQ luôn luôn sống động-có sự phối hợp tốt trên cơ sở sự thống nhất quyền lực trong nhân dân và vì chủ quyền của nhân dân.

§2. Mô hình cơ quan chuyên trách bảo vệ Hiến pháp của Việt Nam trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền hiện nay

1. *Khái niệm vi phạm hiến pháp* là vấn đề đầu tiên cần phải nghiên cứu trước khi xem xét việc soạn thảo đạo luật về cơ quan BVHP chuyên trách ở Việt Nam, mà theo quan điểm của chúng tôi cần được hiểu theo 02 nghĩa (trên 02 bình diện) rộng và hẹp sau đây:

1.1. VPHP theo nghĩa rộng là hành vi (hành động) hoặc bất tác vi (không hành động) được thực hiện một cách có lỗi (có ý hoặc vô ý) bởi bất kỳ chủ thể nào (pháp nhân hoặc thể nhân) có năng lực trách nhiệm pháp lí (nói chung), xâm hại đến một (hay nhiều) QHXX được điều chỉnh bằng các quy phạm hiến định hoặc một (hay nhiều) lĩnh vực được ghi nhận trong Hiến pháp nhưng được cụ thể hóa - điều chỉnh bằng các quy phạm pháp luật (QPPL) khác và gây nên (hoặc đe dọa thực tế gây nên) thiệt hại cho QHXX hay lĩnh vực tương ứng;

1.2. Còn VPHP theo nghĩa hẹp là hành vi (hành động) hoặc bất tác vi (không hành động) được thực hiện một cách có lỗi (có ý hoặc vô ý) chỉ bởi chủ thể nhất định (cơ quan trong BMQL nhà nước hoặc quan chức của cơ quan đó) có năng lực trách nhiệm Hiến pháp, xâm hại đến một hoặc nhiều QHXX được điều chỉnh bằng các quy phạm hiến định và gây nên hoặc đe dọa thực tế gây nên thiệt hại cho QHXX hay lĩnh vực tương ứng.

2. *Vấn đề xây dựng cơ chế kiểm tra hiến pháp và cơ quan nhà nước chuyên trách để thực hiện cơ chế này ở Việt Nam.*

Như vậy, từ khái niệm VPHP nêu trên, logic tiếp theo của vấn đề là ở nước ta cần phải xây dựng cơ chế kiểm tra hiến pháp và cơ quan chuyên trách thực hiện cơ chế này để BVHP như thế nào (?). Có thể điểm qua lịch sử của vấn đề này trong chuyên ngành khoa học luật hiến pháp của nước nhà như sau:

2.1. Hơn 15 năm trước đây (vào năm 2003) khi bàn về “*những cơ chế mang tính chất kiểm soát hoạt động của toàn bộ hệ thống quyền lực và xác định cho các cơ chế này phải đạt được yêu cầu gì*”, - GS.TSKH Đào Trí Úc đã viết:

"một cơ chế được xem là cơ chế giám sát khi nó đáp ứng được các yêu cầu sau đây: Thứ nhất, cơ chế đó phải có khả năng giám sát được toàn bộ hệ thống quyền lực, phải đứng ngoài mà nhìn vào. Nếu bản thân cơ chế giám sát lại là một bộ phận hợp thành bên trong của hệ thống quyền lực đang cần phải được giám sát thì không thể gọi là cơ chế giám sát; Thứ hai, nó phải có tính độc lập nhất định để theo dõi và kiểm soát đối với một bộ phận quyền lực nhà nước" [8]; 2) Còn TSKH. Lê Cẩm khi chỉ ra sự cần thiết phải kiểm tra Hiến pháp bằng QTP đó thẳng thắn viết rằng: "Sự nghiệp xây dựng NNQP và cải cách tư pháp (CCTP) ở Việt Nam hiện nay cần phải nghiên cứu và tham khảo kinh nghiệm tốt trong việc tổ chức giám sát quyền lực ở các nước theo hướng tăng cường hơn nữa các chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn cho quyền lực tư pháp để thực hiện sự kiểm tra của nó đối với việc thực hiện quyền lực nhà nước, cũng như xây dựng Tòa án Hiến pháp (ở Trung ương) để thực thi chế định kiểm tra Hiến pháp" [9].

2.2. Sáu năm sau, cùng với sự phát triển của các luận điểm KHPL Việt Nam về KSQL nhà nước và cơ chế BVHP bằng nhánh QTP, đồng thời lĩnh hội quan điểm khoa học hoàn toàn xác đáng trên đây của GS.TSKH Đào Trí Úc, thì vào năm 2009 GS.TSKH Lê Văn Cẩm liên tiếp trong 3 bài báo của mình đăng trên các trang xuất bản phẩm KHPL của nước nhà đó làm sáng tỏ những vấn đề lí luận về kiểm tra Hiến pháp bằng nhánh QTP với tư cách là cơ chế BVHP hữu hiệu nhất và đưa ra sự phân tích khoa học cho việc soạn thảo 01 đạo luật riêng biệt về cơ quan BVHP chuyên trách bằng nhánh quyền lực tư pháp cho Việt Nam [10].

2.3. Vào năm 2011 trong quá trình chuẩn bị sửa đổi, bổ sung (SĐBS) Hiến pháp năm 1992, trong Thư "Góp ý v/v sửa đổi, bổ sung Hiến pháp năm 1992" ngày 12/11/2011 của nguyên Tổng Bí thư BCHTW Đảng Đỗ Mười gửi 4 vị lãnh đạo cao nhất của Đảng và Nhà nước và 5 giáo sư luật học của Khoa Luật trực thuộc ĐHQGHN, đ/c Đỗ Mười đã đề xuất xây dựng cơ chế tài phán Hiến pháp cho Nhà nước Việt Nam là mô hình Tòa án Hiến pháp (TAHP)

[11]. Và cũng trong năm 2011 này chúng tôi cũng đã một lần nữa khẳng định rằng: "Một khi đã không có cơ chế KSQL nhà nước nói chung thì rõ ràng là hoàn toàn không phù hợp với những đòi hỏi (yêu cầu) của một NNQP đích thực, vì quan điểm được thừa nhận chung của nền văn minh nhân loại và cũng là của tất cả các luật gia tiến bộ trên thế giới - NNQP phải là nhà nước mà trong đó quyền lực và chính trị phải bị kiểm soát bởi pháp luật (đúng như cách diễn đạt của triết gia người Đức nổi tiếng I.Kant)" [12].

3. Bản chất pháp lí của cơ chế bảo vệ hiến pháp (từ năm 2006)

Đại hội Đảng lần thứ X đã đưa ra luận điểm mang tính chỉ đạo như đã nêu trên) là "xây dựng cơ chế phán quyết về các vi phạm Hiến pháp..." có thể được hiểu như thế nào (?).

3.1. Ở đây, vì có thuật ngữ "phán quyết" nên theo quan điểm của chúng tôi bản chất pháp lí này có thể được hiểu bằng các nghĩa giống nhau như sau: 1) Bằng sự xem xét (tài phán) của Tòa án; 2) Bằng phán quyết của cơ quan tư pháp; 3) Bằng tổ tụng tư pháp của Tòa án để đưa ra phán quyết về mặt pháp lí, 4) Bằng sự kiểm tra tính hợp hiến bởi nhánh QTP hoặc bởi một thể chế quyền lực nhà nước độc lập (ngoài 03 nhánh quyền lực truyền thống) đối với các văn bản pháp luật (VBPL) do các nhánh quyền lực khác ban hành; 5) Bằng sự phán xét của Tòa án để đưa ra quyết định pháp lí.

3.2. Vì điều đương nhiên, đơn giản và dễ hiểu nhất là: Thông thường người ta chỉ có thể gọi quyết định của cơ quan tư pháp (Tòa án) hoặc cùng lắm là của một thiết chế quyền lực nhà nước độc lập nào đó (ngoài 3 nhánh quyền lực truyền thống, chẳng hạn như: Hội đồng Hiến pháp) là *phán quyết*. Bởi lẽ, dưới góc độ khoa học và thực tiễn thì khó mà có thể bảo đảm sức thuyết phục khi gọi quyết định của cơ quan nào đó thuộc nhánh QLP hay nhánh QHP (ngoài QTP) là "phán quyết" được. Hơn nữa, cơ chế BVHP bằng QTP rõ ràng không thể và không phải là một mục đích tự thân mà nó đã được kiểm chứng qua thực tiễn lập hiến hàng trăm năm trên thế giới tại các NNQP đích

thực và từ giữa những năm 50 của thế kỷ XX đến nay đã trở thành tinh hoa, giá trị tinh thần pháp lý được thừa nhận chung của nền văn minh nhân loại.

3.3. Trong giai đoạn hiện nay, sẽ là *hợp lý và phù hợp với xu hướng chung* ở những quốc gia trên thế giới là các NNQP đích thực là: cơ quan chuyên trách để BVHP chỉ cần thành lập TAHP một cấp (ở TW và song song với TANDTC) để chuyên thực hiện hoạt động kiểm tra hiến pháp. Sự khẳng định này của chúng tôi không phải là mục đích tự thân mà chính là dựa trên các cơ sở xác đáng như sau:

1) Lịch sử lập hiến, cũng như thực tiễn KSQL nhà nước và BVHP trên thế giới hàng trăm năm qua đã và đang chứng minh điều đó ở các NNQP đích thực là các nước văn minh và phát triển cao (như đã nêu trên).

2) Sau nhiều năm nghiên cứu và tham khảo mô hình tổ chức TAHP của một loạt các nước Châu Âu (như: Hungari, CHLB Đức, Italia, BaLan, Rumani, Thổ Nhĩ Kỳ, CH Séc và một số bang của Thụy Sĩ), đồng thời sau khi nghiên cứu kỹ và so sánh 21 VBPL trong lĩnh vực Luật hiến pháp như: a) 12 Luật về TAHP của các nước thuộc Liên Xô cũ (trừ 02 nước là: Tuôcmênia không có TAHP và Kazaxtan tổ chức Hội đồng bảo hiến thuộc nhánh QHP); b) 04 quy chế về TAHP (của LB Nga, Belarux, Gruzia và Ukraina), 02 Luật “Về thủ tục tổ tụng Hiến pháp” (của Gruzia và Kurgurxtan); c) Bộ luật tổ tụng Hiến pháp và Luật “Về các biện pháp bảo đảm vật chất cho sự độc lập của các Thẩm phán TAHP” của Môđavia và, d) Luật “Về các bảo đảm xã hội cho các Thẩm phán TAHP” của Gruzia đó cho thấy, hiện nay, chưa tính ở một loạt các nước Châu Âu (như: Áo, Hungari, CHLB Đức, Italia, BaLan, Rumani, Thổ Nhĩ Kỳ, CH Séc,...), chỉ tính riêng trong số 15 nước CHLB thuộc Liên Xô cũ thì có đến 4/5 (12 nước) thành lập TAHP độc lập và chỉ ở cấp TW [13].

4. Như vậy, nếu thẩm quyền bảo vệ hiến pháp sẽ được thực hiện bởi Tòa án Hiến pháp thì thứ tự các bước triển khai luận điểm của Hội nghị Trung ương 8 (khóa XII) đó nêu trên

như sau:

4.1. Trước hết là cần phải có một số sửa đổi bổ sung Hiến pháp năm 2013 hiện hành theo hướng sau: 1) Bổ sung khoản 4 vào Điều 4 các quy phạm để tăng cường vai trò gương mẫu của đảng viên; 2) Thêm các thuật ngữ “*Tòa án Hiến pháp*” vào vị trí trước trên gọi cũ của Chương VIII, Hiến pháp năm 2013 hiện hành và; 3) Ghi nhận các điều về các chế tài hiến định tại vị trí cuối mỗi chương (mục) tương ứng với từng nhánh quyền lực nhà nước để phòng ngừa bất kỳ sự vi phạm nào đối với các quy phạm trong Hiến pháp và 4) Ghi nhận một (hoặc vài) điều mới một số quy phạm hiến định hết sức *có động và ngắn gọn* về TAHP (liên quan đến cơ cấu tổ chức và những thẩm quyền của cơ quan tổ tụng Hiến pháp này) mà tại quy phạm cuối cùng sẽ khẳng định là “*Những cơ sở pháp lý của việc tổ chức - hoạt động, thẩm quyền và đặc điểm tổ tụng của TAHP do Luật về Tòa án Hiến pháp Việt Nam quy định*”.

4.2. Song song cùng với bước trên đây sẽ tiến hành soạn thảo đạo luật “*Về Tòa án Hiến pháp Việt Nam*” (với dung lượng không quá 100 điều).

4.3. Và tiếp theo, tại phiên họp gần nhất của Quốc hội sẽ thông qua đồng thời cả 2 đạo luật liên quan đến các công đoạn đã làm ở trên: 1) Luật về một số sửa đổi bổ sung trong Hiến pháp hiện hành và 2) Đạo luật đã nêu về TAHP Việt Nam.

5. Một số gợi ý về việc sửa đổi bổ sung có liên quan đến 03 nội dung trên trong Hiến pháp năm 2013 hiện hành

5.1. Các quy phạm mới tại khoản 4 được bổ sung tiếp theo các khoản 1 - 3.

Điều 4 Hiến pháp năm 2013 hiện hành có thể là:

* Phương án I (Các quy phạm này sẽ chỉ là một khoản 4).

4. Để bảo đảm sự chính danh và thực sự xứng đáng với vai trò hiến định về sự lãnh đạo Nhà nước và xã hội của Đảng được ghi nhận

tại Điều này, đồng thời để xứng đáng với niềm tin của nhân dân và được suy tôn trong xã hội:

a) Mọi đảng viên của Đảng phải thường xuyên rèn luyện tư tưởng, đạo đức Cách mạng theo tấm gương Hồ Chí Minh, cũng như phải gương mẫu trước quần chúng nhân dân trong việc chấp hành nghiêm chỉnh Hiến pháp và pháp luật;

b) Vai trò lãnh đạo của Đảng và mọi tổ chức của Đảng phải chịu sự giám sát của nhân dân, được bảo đảm bằng pháp luật và do luật định nhằm phục vụ cho lợi ích chung của Tổ quốc và nhân dân;

c) Nghiêm cấm tư tưởng cục bộ, bản vị, hẹp hòi, địa phương chủ nghĩa, cũng như việc gây mất đoàn kết nội bộ hoặc chia rẽ sự thống nhất trong Đảng;

d) Nghiêm cấm việc lợi dụng danh nghĩa hay vai trò lãnh đạo của Đảng để thực hiện bất kỳ hành vi nào (bằng hành động hoặc không hành động) trái với Hiến pháp hoặc/và pháp luật nhằm gây dựng bè phái, tạo đặc quyền, đặc lợi, tranh giành lợi ích phe nhóm hoặc để giữ vị trí lãnh đạo then chốt trong các cơ quan công quyền, trong các đơn vị kinh tế Nhà nước hoặc doanh nghiệp mà sở hữu Nhà nước chiếm đa số hay trong các tổ chức, đoàn thể xã hội khác ở Trung ương và ở các địa phương mặc dù bản thân ứng viên giữ vị trí đó không có đủ đức, tài và uy tín trong tập thể.

* Hoặc là Chương án II (chia các quy phạm trên thành hai khoản 4-5):

4. Để bảo đảm sự chính danh và thực sự xứng đáng với vai trò hiến định về sự lãnh đạo Nhà nước và xã hội của Đảng được ghi nhận trên đây tại Điều này, đồng thời để xứng đáng với niềm tin của nhân dân và được suy tôn trong xã hội:

a) Mọi đảng viên của Đảng phải thường xuyên rèn luyện tư tưởng, đạo đức Cách mạng theo tấm gương Hồ Chí Minh, cũng như phải gương mẫu trước quần chúng nhân dân trong việc chấp hành nghiêm chỉnh Hiến pháp và pháp luật;

b) Vai trò lãnh đạo của Đảng và mọi tổ chức của Đảng phải chịu sự giám sát của nhân dân, được bảo đảm bằng pháp luật và do luật định nhằm phục vụ cho lợi ích chung của Tổ quốc và nhân dân;

5. Bất kỳ hành vi nào (bằng hành động hoặc không hành động) trong quá trình tổ chức và thực hiện quyền lực Nhà nước mà có một trong những biểu hiện dưới đây đều bị coi là trái với Hiến pháp hoặc/và pháp luật và phải bị nghiêm cấm, đồng thời chủ thể của hành vi đó đều nhất thiết phải bị xử lý nghiêm khắc:

a) Tư tưởng cục bộ, bản vị, hẹp hòi, địa phương chủ nghĩa, cũng như gây mất đoàn kết nội bộ hoặc chia rẽ sự thống nhất trong Đảng;

b) Lợi dụng danh nghĩa hay vai trò lãnh đạo của Đảng để gây dựng bè phái, tạo đặc quyền đặc lợi, tranh giành lợi ích nhóm hoặc để giữ vị trí lãnh đạo then chốt trong cơ quan công quyền của bộ máy nhà nước, cũng như trong đơn vị kinh tế Nhà nước hoặc doanh nghiệp mà sở hữu Nhà nước chiếm đa số hay trong tổ chức, đoàn thể xã hội khác ở Trung ương và ở địa phương mặc dù bản thân ứng viên giữ vị trí đó không có đủ đức, tài và uy tín trong tập thể¹.

5.2. Các điều về các chế tài hiến định sẽ được ghi nhận tại vị trí cuối mỗi chương (mục) tương ứng với từng nhánh quyền lực nhà nước để phòng ngừa bất kỳ sự vi phạm nào đối với các quy phạm trong Hiến pháp có thể là:

“Tại vị trí cuối của Chương về các quy định chung: Việc tiếm dụng quyền lực Nhà nước của nhân dân, tự quy định cho mình thẩm quyền

¹ Cần lưu ý là 06 năm trước (vào năm 2012), trên cơ sở đề xuất về cơ chế BVHP trong thư (đã nêu) của đ/c cố Tổng Bí thư Đỗ Mười, thì các kiến giải lập hiến về các quy phạm này đã được chúng tôi báo cáo với đ/c Đỗ Mười và sau đó đưa vào một cuốn sách chuyên khảo (do TS. Võ Văn Hồng tài trợ in và GS.TSKH Lê Văn Cẩm biên soạn) với tên gọi: Một số vấn đề cấp bách của khoa học pháp lý Việt Nam trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2012, các tr.345-346. Nhưng rất tiếc là lúc bấy giờ vì một số lí do tế nhị nhất định nên một số quan chức mà tâm không trong sáng thì lại "run sợ" trước quy phạm hiến định về cân phải gương mẫu này của đảng viên trước quần chúng nhân dân và cuối cùng, kết quả là quy phạm được đề xuất bổ sung trên đây đã không được đưa vào Điều 4 Hiến pháp năm 2013 hiện hành.

nào đó của bộ máy quyền lực nhà nước, cũng như bất kỳ hành vi nào (bằng hành động hoặc không hành động) nhằm chiếm đoạt quyền lực, can thiệp, cản trở, tác động, gây ảnh hưởng tiêu cực đối với việc thực hiện thẩm quyền hiến định của cơ quan công quyền hay của công chức Nhà nước đều là sự vi phạm nghiêm trọng Hiến pháp và phải bị xử lý nghiêm khắc theo luật định”.

“Tại vị trí cuối của Chương về quyền lập pháp: Bất kỳ hành vi nào (bằng hành động hoặc không hành động) nhằm mục đích chiếm đoạt chủ quyền lập hiến của nhân dân hoặc can thiệp, cản trở, tác động hay gây ảnh hưởng tiêu cực đối với việc thực hiện thẩm quyền hiến định của Quốc hội đều là sự vi phạm nghiêm trọng Hiến pháp và phải bị xử lý nghiêm khắc theo luật định”.

“Tại vị trí cuối của Chương về quyền hành pháp: Bất kỳ hành vi nào (bằng hành động hoặc không hành động) nhằm can thiệp, cản trở, tác động hoặc gây ảnh hưởng tiêu cực đối với việc thực hiện thẩm quyền hiến định của các cơ quan hành pháp đều là sự vi phạm nghiêm trọng Hiến pháp và phải bị xử lý nghiêm khắc theo luật định”.

“Tại vị trí cuối cùng của Chương về quyền tư pháp: Bất kỳ hành vi nào (bằng hành động hoặc không hành động) nhằm can thiệp, cản trở, tác động hoặc gây ảnh hưởng tiêu cực đối với việc thực hiện thẩm quyền hiến định của các cơ quan tư pháp đều là sự vi phạm nghiêm trọng Hiến pháp và phải bị xử lý nghiêm khắc theo luật định”.

“Tại vị trí cuối của Chương về quyền kiểm tra Hiến pháp (nếu không ghi nhận các quy phạm liên quan đến TAHP trong cùng Chương về quyền tư pháp): Bất kỳ hành vi nào (bằng hành động hoặc không hành động) nhằm can thiệp, cản trở, tác động hoặc gây ảnh hưởng tiêu cực đối với việc thực hiện thẩm quyền hiến định của cơ quan kiểm tra hiến pháp đều là sự vi phạm nghiêm trọng Hiến pháp và phải bị xử lý nghiêm khắc theo luật định”.

5.3. Một (hoặc các) điều về TAHP sẽ được bổ sung vào Hiến pháp năm 2013 hiện hành cần ghi nhận ít nhất là 12 quy phạm hiến định sau:

"1. TAHP gồm có 17 thẩm phán do Quốc hội bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm theo đề nghị của Chủ tịch nước và trên cơ sở giới thiệu của các cơ cấu trong bộ máy quyền lực nhà nước ở TW theo tỷ lệ tương ứng từ mỗi cơ cấu như sau:

- a) 1/3 số thẩm phán do Quốc hội giới thiệu;
- b) 1/3 số thẩm phán TANDTC giới thiệu;
- c) 1/3 số thẩm phán (bao gồm cả Chánh án TAHP) do Chủ tịch nước giới thiệu.

2. TAHP theo đề nghị của từ 1/4 các đại biểu Quốc hội trở lên, Chủ tịch nước, Chính phủ, TANDTC, VKSNDTC hoặc 1/6 đại diện của chính quyền địa phương tất cả các tỉnh, thành phố trực thuộc TW, có thẩm quyền kiểm tra để xem xét và đưa ra phán quyết (dưới hình thức quyết định hoặc kết luận) đối với những vụ việc về tính hợp hiến của tất cả các văn bản sau đây:

- a) Các văn bản do hai Viện của Quốc hội, cũng như Tổng Kiểm toán Nhà nước, Tổng Thanh tra về nhân quyền hoặc Ngân hàng Nhà nước ban hành;
- b) Các văn bản do Chủ tịch nước ban hành;
- c) Các văn bản do lãnh đạo Chính phủ, cũng như Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ ban hành;
- d) Các văn bản do TANDTC hoặc VKSNDTC;
- đ) Các văn bản do cơ quan chính quyền địa phương tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành;
- e) Các văn bản do lãnh đạo cấp TW của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị kinh tế hoặc lực lượng vũ trang nhân dân ban hành; Bất kỳ văn bản nào do các chủ thể nêu tại các điểm từ “a” đến “e” khoản 1 Điều này tự mình (hoặc phối hợp) ban hành;
- g) Các hiệp ước quốc tế, cũng như các văn bản khác do người có chức vụ cao cấp nhân danh Nhà nước hoặc Chính phủ Việt Nam ký kết với nước ngoài nhưng chưa có hiệu lực pháp lý;

h) Các điều (khoản) luật đó (hoặc phải) được áp dụng trong trường hợp cụ thể trên cơ sở đề nghị của Tòa án hoặc cơ quan áp dụng điều (khoản) luật tương ứng.

3. TAHP có thẩm quyền kiểm tra để xem xét và đưa ra phán quyết (dưới hình thức quyết định hoặc kết luận) đối với quy định trong bất kỳ văn bản pháp luật nào đó (hoặc phải) được áp dụng trong trường hợp cụ thể mà bị khiếu nại là xâm phạm đến các quyền và tự do hiến định của con người và của cộng đồng.

4. TAHP có thẩm quyền giải quyết những vụ việc tranh chấp về phân định thẩm quyền giữa: a) Các cơ quan nhà nước ở TW; b) Các cơ quan ở TW với các cơ quan chính quyền địa phương cấp tỉnh, thành phố trực thuộc TW.

5. TAHP theo đề nghị của một trong các chủ thể nêu tại khoản 2 Điều này có thẩm quyền giải thích Hiến pháp và các Luật của Việt Nam, cũng như các văn bản pháp luật quốc tế khi có mâu thuẫn với các văn bản pháp luật quốc gia.

6. TAHP theo đề nghị của một trong các chủ thể nêu tại khoản 2 Điều này có thẩm quyền xem xét và đưa ra phán quyết (dưới hình thức kết luận hoặc quyết định) về việc tuân thủ đúng (hay không) trình tự do luật định đối với:

a) Việc khởi tố vụ án hình sự, đưa ra cáo trạng hoặc bản án đối với những người có chức vụ cao nhất trong Ban lãnh đạo của đất nước;

b) Kết quả các cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, Thẩm phán TAND và Kiểm sát viên VKSND (nếu 2 chức danh sau không do bổ nhiệm) địa phương các cấp;

c) Kết quả cuộc bầu cử Chủ tịch nước;

d) Kết quả các cuộc trưng cầu ý kiến của nhân dân;

e) Việc thành lập hoặc sát nhập của tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, chính trị nghề nghiệp, tổ chức xã hội hoặc bất của bất kỳ tổ chức phi Chính phủ nào.

7. TAHP có thẩm quyền đưa ra sáng kiến lập pháp đối với những vấn đề có liên quan đến các lĩnh vực tổ chức-hoạt động và tổ tụng thuộc thẩm quyền của TAHP.

8. TAHP chỉ giải quyết các vấn đề mang tính pháp lý và cụ thể thực hiện các thẩm quyền khác theo quy định của Hiến pháp hoặc của Luật "Về Tòa án Hiến pháp ở Việt Nam".

9. Các phán quyết của TAHP là chung thẩm; nếu văn bản hoặc khoản (điều) trong văn bản tương ứng hoặc Hiệp ước quốc tế nào của Việt Nam bị phán quyết của TAHP tuyên là trái với tinh thần hoặc lời văn Hiến pháp, thì đương nhiên đều không có hiệu lực thi hành.

10. Chủ thể ban hành văn bản vi hiến hay thực hiện hành vi nào (bằng hành động hoặc không hành động) trên cơ sở văn bản vi hiến thì tùy theo mức độ nghiêm trọng của hậu quả gây nên mà phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, còn người bị thiệt hại do sự việc vi hiến xảy ra phải được bồi thường thiệt hại về vật chất hoặc/và tinh thần theo quy định chung của pháp luật.

11. Đối với những vấn đề thuộc tổ chức, hoạt động nội bộ thì TAHP Việt Nam tự mình thông qua Quy chế nhưng không được trái với Hiến pháp và Luật "Về Tòa án Hiến pháp ở Việt Nam".

12. Những cơ sở pháp lý của việc tổ chức, hoạt động, thẩm quyền và đặc điểm tổ tụng của TAHP do Luật "Về Tòa án Hiến pháp ở Việt Nam" quy định.

6. Nhóm những vấn đề chủ yếu cần được điều chỉnh trong đạo luật riêng biệt về cơ quan chuyên trách bảo vệ hiến pháp bằng nhánh quyền tư pháp ở Việt Nam hiện nay

Như vậy, từ việc nghiên cứu những vấn đề về tổ chức và hoạt động của các TAHP trong NNPQ tại một số nước văn minh và phát triển cao trên thế giới, đồng thời xuất phát từ thực tiễn BVHP ở Việt Nam suốt hàng chục năm qua, chúng tôi cho rằng, ngoài các quy phạm hiến định (như đó được đề xuất ở trên đây ra), thì sự vận hành của cơ chế kiểm tra hiến pháp bởi TAHP với tư cách là cơ quan tư pháp duy nhất thực hiện hoạt động tổ tụng về Hiến pháp của Việt Nam trong giai đoạn xây dựng NNPQ hiện nay cần được ghi nhận trong một đạo luật riêng biệt với tên gọi cụ thể là Luật "Về tổ chức và hoạt động của Tòa án Hiến pháp Việt Nam". Và

nội hàm đạo luật này sẽ bao gồm 03 nhóm chủ yếu (về tổ chức, hoạt động và các đặc điểm về thủ tục tố tụng) với các quy phạm hiến định điều chỉnh 17 nhóm vấn đề cơ bản tương ứng dưới đây:

6.1. *Nội hàm về tổ chức* của TAHP sẽ bao gồm các QPPL điều chỉnh 4 nhóm vấn đề cơ bản sau:

1) Vị trí pháp lý của TAHP trong hệ thống các cơ quan của bộ máy quyền lực nhà nước, thẩm quyền và những nguyên tắc cơ bản hoạt động của TAHP;

2) Địa vị pháp lý của các Thẩm phán TAHP;

3) Cơ cấu và tổ chức hoạt động của TAHP và;

4) Quan hệ phối hợp và chế ước của TAHP với các cơ quan khác trong bộ máy quyền lực nhà nước ở TW thuộc các nhánh quyền lực nhà nước (như: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, TANDTC và VKSNDTC). Đặc biệt khi ghi nhận các thẩm quyền của TAHP cần phải có sự nhận thức - khoa học thống nhất về nguyên tắc bảo đảm *tính pháp chế cao nhất của Hiến pháp* để sao cho chính trị phải đứng dưới pháp luật và cần lưu ý rằng, TAHP là một *thiết chế pháp lý độc lập chỉ giải quyết những vấn đề nào mang tính pháp lý* mà không thể bị cuốn hút vào những động cơ không trong sáng, ví dụ: phải quy định rõ không ai có quyền buộc TAHP phải xem xét và TAHP không thể bị lợi dụng để xem xét những vấn đề mang màu sắc chính trị như cái gọi là “tính hợp hiến” của các văn bản do các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội hay xã hội - nghề nghiệp,... ban hành (nhất là khi một tổ chức chính trị nào đó lại là Đảng cầm quyền chân chính được nhân dân thừa nhận).

6.2. *Nội hàm về hoạt động* của TAHP sẽ bao gồm các QPPL điều chỉnh 7 nhóm vấn đề cơ bản sau:

1) Những nguyên tắc của việc kiểm tra hiến pháp;

2) Những căn cứ để kiểm tra hiến pháp;

3) Thủ tục và trình tự kiểm tra hiến pháp;

4) Những nguyên tắc của việc kiểm tra các văn bản luật và dưới luật;

5) Những căn cứ để kiểm tra các văn bản luật và dưới luật;

6) Thủ tục và trình tự kiểm tra các văn bản luật và dưới luật;

7) Các quyết định của TAHP và hậu quả pháp lý của chúng.

6.3. Và cuối cùng, *nội hàm về các đặc điểm tố tụng* của TAHP sẽ bao gồm các QPPL điều chỉnh 6 nhóm vấn đề cơ bản sau:

1) Việc đưa ra các giải thích thống nhất của TAHP đối với các quy định của Hiến pháp và tính bắt buộc của chúng trên lãnh thổ toàn quốc;

2) Xem xét sự phù hợp với Hiến pháp của các Hiệp ước quốc tế mà Việt Nam ký kết (nhưng chưa có hiệu lực);

3) Xem xét các tranh chấp về thẩm quyền của cơ quan khác trong BMQL nhà nước ở TW thuộc các nhánh quyền lực (như Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, TANDTC và VKSNDTC);

4) Xem xét các vụ việc khiếu nại về sự xâm phạm các quyền và tự do hiến định của công dân;

5) Xem xét sự phù hợp với Hiến pháp của các văn bản luật theo các đề nghị của các Tòa án chung;

6) Xem xét và kết luận về việc tuân thủ đúng (hay không) thủ tục và trình tự do luật định của các quyết định liên quan đến việc khởi tố vụ án hình sự, cáo trạng hoặc bản án đối với những người giữ chức vụ cao nhất trong Ban lãnh đạo đất nước (như: Chủ tịch Quốc hội, Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ,...).

III. Kết luận vấn đề

Trên cơ sở nghiên cứu một số vấn đề khoa học luật Hiến pháp để góp phần cụ thể hóa quy phạm tại đoạn 2 khoản 2 Điều 119 Hiến pháp năm 2013 hiện hành và một số luận điểm của Đảng về KSQL nhà nước và xây dựng cơ chế BVHP vào thực tiễn cuộc sống có thể đưa ra một số kết luận như sau:

1. Một là, thực tiễn của các NN PQ trên thế giới hàng trăm năm qua và thực tiễn quốc tế đương đại trong thế kỉ XX - những năm đầu thế

ki XXI đã và đang minh chứng một cách có căn cứ rằng, trong bất kỳ một NNQP đích thực nào việc tổ chức và KSQL nhà nước một cách khoa học là nền tảng quan trọng nhất cho hoạt động của bộ máy công quyền trong sự nghiệp cao cả của việc bảo vệ một cách vững chắc và hữu hiệu *sự công bằng xã hội, các quyền và tự do của con người và của công dân, cũng như các lợi ích của xã hội và của nhà nước* để góp phần khẳng định các nguyên tắc được thừa nhận chung của NNQP với tính chất là *những giá trị xã hội cao quý nhất của nền văn minh nhân loại*.

2. Hai là, việc tổ chức và KSQL nhà nước trong giai đoạn xây dựng NNQP Việt Nam chỉ có thể thành công nếu chúng ta triển khai tốt và đồng bộ một loạt các cơ chế pháp lý chủ yếu quan trọng của một NNQP đích thực để đảm bảo tốt các điều kiện cơ bản cho sự vận hành của hệ thống quyền lực như: 1) Sự *độc lập thực sự* (chứ không phải chỉ là hình thức) của nhánh QTP; 2) Sự phân công rành mạch, rõ ràng và khoa học quyền lực thành ba nhánh với cơ chế “kiểm tra và cân bằng (chế ước)” lẫn nhau; 3) Thực thi đầy đủ *chế định kiểm tra hiến pháp* bằng nhánh QTP để kiểm tra đối với nhánh QLP và nhánh QHP; 4) Sự bảo vệ một cách vững chắc và hữu hiệu các quyền, tự do của con người và của công dân bằng hệ thống Tòa án công minh và chỉ tuân theo pháp luật.

3. Ba là, Sự nghiệp xây dựng một NNQP đích thực trên đất nước Việt Nam sẽ còn phải trải qua chặng đường dài đầy khó khăn và phức tạp, đòi hỏi sự bền bỉ và kiên định vì lí tưởng NNQP mà Hiến pháp Việt Nam năm 1992 đã long trọng tuyên bố trước toàn thế giới; chính vì vậy, để đảm bảo cho thắng lợi cuối cùng của lí tưởng cao đẹp ấy chúng ta (nhất là các nhà luật học) phải nỗ lực hết sức mình để cùng với toàn thể nhân dân thực hiện thành công *chiến lược CCTP đến năm 2020* mà Nghị quyết số 49-NQ/TW của Đảng đã ban hành, đồng thời xây dựng và thực thi cho được “*cơ chế phán quyết (tức là tài phán bằng sự kiểm tra của nhánh QTP) đối với các vi phạm Hiến pháp trong hoạt động lập pháp, hành pháp và tư pháp*” mà Đại hội Đảng lần thứ X đã chỉ ra.

4. Bốn là, việc tổ chức và KSQL nhà nước theo đúng nghĩa của NNQP tất yếu sẽ động chạm đến các lợi ích cục bộ của nhiều Bộ, ngành và cơ quan, thậm chí cả một số người có chức vụ cao trong bộ máy Nhà nước ở tất cả các cấp từ TW đến các địa phương; do đó, tất cả các Bộ, ngành và những người có liên quan trong các cơ quan công quyền thuộc tất cả các nhánh quyền lực từ TW xuống đến các địa phương phải biết đặt lợi ích của Tổ quốc, nhân dân và Đảng lên trên hết để làm đúng lời Bác Hồ dạy, thực sự là “công bộc”, “đầy tớ” của nhân dân nhằm gạt bỏ các thói quen, tật xấu và tiến tới loại trừ các hiện tượng tiêu cực đang diễn ra hằng ngày trong cuộc sống đời thường như: 1) Luôn thể hiện tư tưởng cục bộ, ích kỉ vì lợi ích của Bộ, ngành, địa phương, người cùng “cánh hâu” và của cá nhân; 2) Lúc nào cũng chỉ chăm lo lợi ích nhóm, “quyền anh, quyền tôi”, “ngành anh, ngành tôi” (nhất là khi được giao nhiệm vụ chủ trì soạn thảo văn bản pháp luật nào đó); 3) Nói toàn những lời hoa mỹ (mà dân ta thường gọi là “hót hay như khiếu”) nhưng cứ để mặc không chịu triển khai những lời nói ấy trên thực tế; 4) Thờ ơ, bàng quang trước nỗi đau của những người lao động nghèo khổ mà để nhiều vụ việc đầy oan sai rơi vào im lặng; 5) Không chịu khó học tập, nghiên cứu để tự nâng cao trình độ, “học giả ăn thật”, làm việc thì lười nhác, dựa dẫm (thậm chí “cướp công”) vào trí tuệ chất xám của đồng nghiệp, cấp dưới mà không chịu tư duy, suy nghĩ để tự tổng hợp, khái quát được những vấn đề đơn giản nhất khi soạn thảo các báo cáo, các văn bản (mà bất kỳ một cử nhân đại học nào thuộc chuyên ngành tương ứng mà chịu khó bỏ trí tuệ chất xám ra để tư duy, suy ngẫm thì cũng có thể làm được); 6) Độc tài, phi dân chủ, vi phạm các nguyên tắc làm việc của Đảng/Nhà nước hoặc ngược lại, thiếu bản lĩnh, không có chính kiến riêng của bản thân mình, ba phải, dĩ hòa vi quý “tròn như hòn bi” cốt để lấy lòng tất cả mọi người nên hay bị kẻ xấu lợi dụng, không chế nhưng không thể làm gì được mà bỏ mặc cho lợi ích của đa số, tập thể, cộng đồng bị kẻ xấu xâm phạm, xé xẻo; 7) Tham nhũng, làm giàu bất chính trên mồ hôi công sức của những người khác; 8) Chạy chức,

chạy quyền, lo lót, hối lộ để được thăng quan tiến chức và trao thêm nhiều quyền cho bản thân mình, trước hết nghĩa vụ cho đồng nghiệp, cấp dưới,...

5. Và cuối cùng, năm là, để đảm bảo cho thắng lợi cuối cùng của sự nghiệp xây dựng NNQP thì thông qua các nghiên cứu về KSQL nhà nước và xây dựng cơ chế BVHP các nhà luật học của nước nhà cần phải khẩn trương triển khai soạn thảo cho đầy đủ học thuyết về quyền lực *trong giai đoạn xây dựng NNQP* Việt Nam bằng một số công việc cấp bách phải làm trên *ba mặt* (lĩnh vực) chủ yếu là:

1) Về mặt *thực tiễn*, cần phải tiến hành tổng kết hoạt động của các cơ quan công quyền thuộc 03 nhánh quyền lực (QLP, QHP và QTP) để đưa ra được các số liệu chính xác và đầy đủ về thực trạng đội ngũ, trình độ chuyên môn nghiệp vụ và năng lực của cán bộ trong hệ thống của từng loại cơ quan thuộc mỗi nhánh.

2) Về mặt *lí luận*, cần phải tiếp tục nghiên cứu để làm sáng tỏ những vấn đề mà thực tiễn xã hội nói chung và thực tiễn pháp lí nói riêng (nhất là thực tiễn hoạt động của các cơ quan công quyền đang đặt ra và cần phải được phân tích, lí giải và làm rõ để đưa ra các luận cứ khoa học xác đáng, khách quan và đảm bảo sức thuyết phục cho việc hoạch định đường lối, đề ra chủ trương và xây dựng các chính sách thích hợp của Đảng và Nhà nước.

3) Về mặt *lập pháp*, từ các kết quả của việc tổng kết thực tiễn và trên cơ sở các thành tựu của việc nghiên cứu lí luận cần phải soạn thảo một bản Hiến pháp tốt vì các thể hệ hôm nay và mai sau, đồng thời soạn thảo các VBPL khả thi có liên quan để điều chỉnh một cách đồng bộ và hợp lí các QHXX trong từng lĩnh vực tương ứng trong giai đoạn xây dựng NNQP Việt Nam *đích thực* của dân, do dân và vì dân.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Báo cáo đánh giá 3 năm thực hiện Bộ luật Lao động, tháng 9/2016. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, NXB Chính trị quốc gia-Sự thật, Hà Nội, 2006, các tr.127.
- [2] Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2016, các tr.173-174.
- [3] Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban chấp hành Trung ương khóa XI, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2012, tr.14.
- [4] Xem: Chẳng hạn như 12 công trình (bằng tiếng Nga) sau đây: 1) Baglai M.V. Luật Hiến pháp Liên bang Nga. Tập bài giảng dành cho các Trường Đại học. NXB Norma-Infra. Maxcova, 1998; 2) X.V. Bobotov, I.Iu Zigachov. Nhập môn hệ thống pháp luật Hoa Kỳ. NXB Norma. Maxcova, 1997; 3) Êbzeev B.X. Hiến pháp - Nhà nước pháp quyền - Tòa án Hiến pháp. Tập bài giảng dành cho các Trường Đại học. NXB Đạo luật và pháp luật. Maxcova, 1997; 4) Các Hiến pháp của các nước ngoài Đông Âu. Tập bài giảng và tra cứu. NXB Norma-Infra. Maxcova, 1996; 5) Các Hiến pháp của các nước ngoài: Hợp chúng quốc Hoa kỳ, Vương quốc Anh, Pháp, Đức, Italia, Tây Ban Nha, Hy Lạp, Nhật Bản, Canada (Xuất bản lần thứ 2 có sửa đổi và bổ sung). NXB BEC. Maxcova, 1997; 6) Các Hiến pháp mới của các nước SNG và Ban tích. Tập các văn bản (in lần thứ 2) do Hội đồng liên Nghị viện các nước SNG xuất bản. NXB "Manuxkript". Maxcova, 1997; 7) Rene David, Kamille Jauffret-Spinosi. Các hệ thống pháp luật đương đại. NXB Quan hệ quốc tế. Maxcova, 1996; 8) Zidkôv O.A. Hợp chúng quốc Hoa Kỳ. Hiến pháp và các văn bản pháp luật. NXB Tiến bộ. Maxcova, 1993; 9) Luật Hiến pháp. Giáo trình dành cho các Trường Đại học Luật và các Khoa Luật (TSKH. GS A.E.Kozluy chủ biên). NXB BEK. Maxcova, 1996; 10) Những cơ sở pháp luật của Liên minh Châu Âu. Giáo trình của Học viện pháp lí Quốc gia Maxcova. Maxcova, 1997; 11) Trirkin V.E. Luật Hiến pháp của các nước ngoài. NXB Luật gia. Maxcova, 1997; 12) Vitoruk N.V. Tư pháp về Hiến pháp. Luật hiến pháp về tư pháp và tố tụng. Tập bài giảng dành cho các Trường Đại học. NXB Đạo luật và pháp luật. Maxcova, 1998; v.v....
- [5] Nguyễn Ngọc Chí, Giáo trình các nguyên tắc cơ bản của Luật Tố tụng hình sự (Dành cho chương trình đào tạo Sau đại học), NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2018, tr. 372.
- [6] Chu Hồng Thanh. Vấn đề giám sát thực hiện quyền lực nhà nước ở nước ta. Trong: Giám sát và cơ chế giám sát việc thực hiện quyền lực nhà nước ở nước ta hiện nay (Sách chuyên khảo do GS.TSKH Đào Trí Úc, PGS.TS Võ Khánh Vinh

[1] Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Báo cáo đánh giá 3 năm thực hiện Bộ luật Lao động, tháng 9/2016. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại

- đồng chủ biên), NXB Công an Nhân dân, Hà Nội, 2003. tr.46-56.
- [7] Xem cụ thể hơn: Zidkôv O.A, Hợp Chung quốc Hoa Kỳ, Hiến pháp và các văn bản pháp luật, NXB Tiên bộ, Maxcova, 1993, tr.8 (Tiếng Nga).
- [8] GS.TSKH Đào Trí Úc, Quan niệm về giám sát việc thực hiện quyền lực nhà nước và các cơ chế thực giám sát, Trong SCK đã dẫn: Giám sát và cơ chế giám sát việc thực hiện quyền lực nhà nước... NXB Công an Nhân dân, Hà Nội, 2003, tr.12.
- [9] TSKH Lê Cẩm. Tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước trong Nhà nước pháp quyền, trong Giám sát và cơ chế giám sát việc thực hiện... (SCK đã dẫn trên do GS.TSKH Đào Trí Úc và PGS.TS Võ Khánh Vinh đồng chủ biên), tr. 499.
- [10] Lê Văn Cẩm, 1) Kiểm tra Hiến pháp trong Nhà nước pháp quyền và mô hình lí luận của việc tổ chức thực thi chế định này ở Việt Nam. Tạp chí NN & PL, số 5/2009; 2) Kiểm tra Hiến pháp bằng Tòa án và vấn đề thực thi chế định này trong tiến trình cải cách tư pháp của Việt Nam và, 3) Mô hình lí luận của các kiến giải lập pháp cụ thể trong Dự thảo Luật “Về Tòa án Hiến pháp Việt Nam”, trong Kí yếu Hội thảo Quốc tế về Bảo hiến. NXB Thời đại. Hà Nội, 2009, tr.349-364 & tr. 365-372.
- [11] Đỗ Mười. 1) Xây dựng và hoàn thiện cơ chế bảo hiến. Trong Báo “Lao động” số 112, ngày 17/5/2012. tr.2; và 2) Thư “V/v góp ý bổ sung, sửa đổi Hiến pháp năm 1992” ngày 12 tháng 11 năm 2011 đó được gửi tất cả 4 đ/c trong Ban lãnh đạo cao nhất của Việt Nam (Tổng Bí thư BCHTW Đảng, Chủ tịch Quốc hội, Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ) và 5 giáo sư của Khoa Luật trực thuộc ĐHQGHN.
- [12] Lê Văn Cẩm & Nguyễn Cảnh Hợp, Thực trạng tổ chức, thực hiện và kiểm soát quyền lực nhà nước ở Việt Nam, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 5/2011, tr.30.
- [13] Xem cụ thể hơn: 1) 11 nguồn (bằng tiếng Nga) đó dẫn tại Chú thích (4); 2) Sulzenkô Iu.L. Trích giảng Luật Hiến pháp Liên bang Nga. Viện Nhà nước và pháp luật thuộc Viện Hàn lâm khoa học Nga, NXB Luật gia. Maxcova, 1997(Tiếng Nga); 3) Viện Nhà nước và Pháp luật thuộc Viện Hàn lâm khoa học Nga, Luật Hiến pháp so sánh, NXB “Manuskript”. Maxcova, 1996(Tiếng Nga); 4) Tuyển tập Hiến pháp một số nước, Tài liệu tham khảo phục vụ sửa đổi Hiến pháp năm 1992 (Lưu hành nội bộ) do Trung tâm Thông tin Thư viện và Nghiên cứu khoa học thuộc Văn phòng Quốc hội ấn hành, Hà Nội, tháng 10/2011 - 396 tr.; 5) Tuyển tập Hiến pháp một số quốc gia (Tài liệu tham khảo). Hà Nội, 2012 - 750 tr.

Clarification of Article 119.2, Paragraph 2 in Constitution 2013 and Some Arguments Given at the 8th Plenum of the 12th Party Central Committee

Nguyen Canh Hop¹, Le Cam²

¹Ho Chi Minh City University of Law, 2 Nguyen Tat Thanh, District 4, Ho Chi Minh City, Vietnam

²VNU School of Law, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam

Abstract: Based on the Party’s views delivered at the Party Congresses X, XI, XII and the 8th Plenum of the 12th Party Central Committee on controlling State power for the purpose of protecting the 2013 Constitution as well as those of former Party General Secretary Do Muoi’s, the paper emphasizes the necessity of creating a constitutional court in Vietnam as well as analyzes the issues on controlling State power. The paper concludes with detailed legal proposals for a scheme of protecting the Constitution with judicial power in Vietnam in the current building of the Rule of law.

Keywords: Constitution 2013, 8th plenum of the 12th Party Central Committee, power control, protection of constitution.